

# DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI CHỖ Ở CÁC TỈNH VÙNG CỰC NAM TRUNG BỘ TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG HIỆN NAY - MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN VÀ GIẢI PHÁP<sup>(\*)</sup>

PHÚ VĂN HẪN\*

*Trên địa bàn các tỉnh vùng cực Nam Trung Bộ (gồm Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận), ngoài tộc người Kinh, còn có các tộc người thiểu số tại chỗ như Chăm, Raglai, Chơ Ro... hợp thành cơ cấu dân cư đa thành phần tộc người, giàu bản sắc và giá trị truyền thống. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, vấn đề dân tộc được chú trọng và quan tâm như là nguồn nội lực cho sự phát triển của quốc gia. Qua nghiên cứu thực tiễn, vấn đề dân tộc ở đây được trình bày theo các quan điểm lý luận và giải pháp liên quan chính sách dân tộc theo các trụ cột phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, văn hóa, chính trị - an ninh - quốc phòng và môi trường. Trên cơ sở đó đóng góp cho quá trình xây dựng và định hướng các chính sách, giải pháp để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng.*

*Từ khóa:* dân tộc tại chỗ Chăm, Raglai, Chơ Ro, phát triển bền vững dân tộc, ven biển cực Nam Trung Bộ

*Nhận bài ngày:* 20/5/2022; *đưa vào biên tập:* 22/5/2022; *phản biện:* 03/6/2022; *duyet đăng:* 11/6/2022

## 1. DẪN NHẬP

Vùng cực Nam Trung Bộ gồm các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận. Vùng này có tiềm năng, lợi thế trong khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên của núi rừng, đồng bằng và biển đảo cho phát triển nền kinh tế sinh thái kết hợp trồng trọt (lúa, hoa màu, cây ăn trái, cây công nghiệp...), chăn nuôi (trâu, bò, heo, dê, cừu...) ở đồng bằng và miền núi, nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn ven bờ và đánh bắt hải sản. Vùng có vị thế đặc biệt đối với việc phát triển bền vững kinh tế biển và du lịch biển đảo, kết hợp kinh tế với quốc phòng theo hướng đa phương hóa

các mối quan hệ quốc tế trên vùng Biển Đông nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Trên địa bàn các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ, ngoài người Kinh còn có các tộc người thiểu số tại chỗ như dân tộc Chăm (Khánh Hòa: 325 người; Ninh Thuận: 67.517 người và Bình Thuận: 39.557 người), Raglai (Khánh Hòa: 55.844 người; Ninh Thuận: 70.366 người và Bình Thuận: 17.382 người), Chơ Ro (Khánh Hòa: 1 người; Ninh Thuận: 6 người và Bình Thuận: 3.777 người)... và có các tộc người di cư đến như Hoa, Nùng, Tày... hợp thành cơ cấu dân cư đa thành phần tộc người, giàu bản sắc và giá trị truyền thống (Ủy ban Dân tộc, 2020: 26-27). Các dân tộc, tộc người ở đây đã tương trợ lẫn nhau

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

trong công cuộc khai khẩn đất đai, phát triển sinh kế xã hội, xây dựng đời sống văn hóa và tôn giáo, thiết lập quan hệ, xây dựng khối đoàn kết dân tộc, gắn bó trong đấu tranh chống ách áp bức, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Từ năm 1986, Đảng và Nhà nước Việt Nam đề ra nhiều chủ trương, chính sách chung và cả những chính sách đặc thù đối với một số dân tộc (như Chăm, Khmer, Hoa...). Các chủ trương, chính sách ấy được cụ thể hóa bằng các chương trình mục tiêu quốc gia, vùng và địa phương về xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, giảm nghèo, giảm nghèo bền vững, tạo việc làm và phát triển cộng đồng trên tinh thần “đoàn kết, bình đẳng, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng phát triển”. Đến nay, môi trường sống, đời sống vật chất, tinh thần và chất lượng cuộc sống của các tộc người thiểu số tại chỗ Chăm, Raglai, Chơ Ro... ở các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ đã được cải thiện và nâng cao. Tuy nhiên, việc hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách dân tộc, chính sách phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái - nhân văn, bảo đảm sinh kế bền vững ở vùng cực Nam Trung Bộ vẫn còn bộc lộ hạn chế, bất cập.

Trên cơ sở khảo sát thực tiễn kết quả thực hiện chính sách, bài viết trình bày một số quan điểm lý luận, giải pháp liên quan đến chính sách dân tộc, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững vùng và tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong phạm vi quốc gia.

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết tiếp cận tổng thể các cộng đồng tộc người thiểu số tại chỗ (Chăm, Raglai, Chơ Ro...) trong mối liên hệ tương tác với vấn đề dân tộc ở các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ.

Để làm rõ vấn đề dân tộc, bài viết sử dụng nguồn tài liệu thứ cấp về người Chăm, Raglai, Chơ Ro ở Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; số liệu từ tổng điều tra của Nhà nước (01/4/2019) và kế thừa kết quả của đề tài “Phát triển bền vững các dân tộc thiểu số vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ” (2020-2022); kết hợp đánh giá thực tiễn thực hiện chính sách dân tộc, phân tích và so sánh hiện trạng vấn đề dân tộc thiểu số vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Thực trạng về đời sống xã hội của các dân tộc thiểu số tại chỗ ở vùng cực Nam Trung Bộ

Về kinh tế, các dân tộc thiểu số Chăm, Raglai và Chơ Ro vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông lâm ngư nghiệp (Chăm: 9.060 người/84.133 người; Raglai: 6.667 người/77.672 người; Chơ Ro: 992 người/15.829 người) số còn lại chủ yếu làm thợ thủ công, các ngành nghề đơn giản, lao động phổ thông và nhân viên (Ủy ban Dân tộc, 2020: 65-66). Ngoài việc làm lúa nước, người dân còn canh tác nương rẫy, chăn nuôi gia súc, đánh cá trên biển, trên sông suối và trồng hoa màu. Từ sau 1986 đến nay, ngoài duy trì các nghề nghiệp cũ tại chỗ, nhiều người dân tộc thiểu số ở đây xuất cư làm công nhân, hoạt động thương mại dịch vụ nên đời sống ngày càng được cải thiện.

Mặc dù kinh tế phát triển ở mức trung bình khá so với trước năm 1986 nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển. Việc hỗ trợ trồng rừng, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái biển, hỗ trợ phát triển sản xuất, xác định cơ cấu cây trồng, vật nuôi chủ lực (cả trên cạn và dưới nước) để sản xuất hàng hóa tập trung, tạo ra các sản phẩm có giá trị cao; kết nối tiêu thụ hàng hóa với thị trường trong nước và quốc tế chưa thực sự hiệu quả như mong muốn đối với các dân tộc tại chỗ ở duyên hải vùng cực Nam Trung Bộ.

Sau hơn 35 năm đổi mới, quyền sở hữu và sử dụng đất ở các dân tộc thiểu số trong vùng đã có những thay đổi đáng kể. Năm 1982, có 63% hộ gia đình người Chăm ở tỉnh Ninh Thuận được cấp đất từ 1.000m<sup>2</sup> đến 5.000m<sup>2</sup> (Phú Văn Hãn, 2021a). Hầu hết người nông dân các dân tộc thiểu số trong vùng đã được Nhà nước cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tình trạng sang nhượng, cho thuê đất trong nội bộ ở dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro trong nội vùng thời gian qua khá phổ biến, dẫn đến nhiều hộ người

dân tộc thiểu số tiếp tục thiếu đất sản xuất. Xã Phan Hòa, xã Phan Hiệp và xã Phan Thanh thuộc huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận từ năm 2002 tới 2012 có 1.904 hộ cần cấp đất để sản xuất chiếm 55,7% số hộ người Chăm, Raglai tại chỗ (Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình, 2020: 3). Thôn Phước Lập (tập trung người Chăm và Raglai), xã Phước Nam, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận có 230 hộ nhưng chỉ có 15ha đất ruộng 1 vụ, nhân dân trồng trọt trên đất rẫy và khai thác rừng (hái, lượm, săn bắt...) (Ủy ban nhân dân xã Phước Nam, 2021).

Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của các dân tộc tại chỗ vùng cực Nam Trung Bộ hiện nay lần lượt từ 4,2 % đến 44,5% và 5,5% đến 21,5% (Bảng 1).

Về lĩnh vực xã hội, phát triển giáo dục, nâng cao dân trí đảm bảo yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực là đòi hỏi cấp thiết đối với đồng bào các dân tộc vùng cực Nam Trung Bộ. Nhìn chung, trình

Bảng 1. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của các dân tộc tại chỗ vùng cực Nam Trung Bộ theo chuẩn quốc gia

	hộ nghèo	hộ cận nghèo
Chăm	14,2% (6.012 hộ/42.478 hộ)	12,4% (5.276 hộ/42.478 hộ)
Raglai	44,5% (16.027 hộ/36.014 hộ)	21,5% (7.867 hộ/36.014 hộ)
Chơ Ro	04,2% (335 hộ/8.013 hộ)	5,5% (439 hộ/8.013 hộ)

Nguồn: Ủy ban Dân tộc, 2020.

Bảng 2. Trình độ chuyên môn của dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ (đến tháng 01/2019)

	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	Biết tiếng Việt	Không biết tiếng Việt
Chăm	1.462	3.351	3.606	5.185	124	11	80,83%	19,17%
Raglai	345	1.030	529	565	5	0	57,13%	42,87%
Chơ Ro	91	203	181	184	7	0	81,67%	18,33%

Nguồn: Ủy ban Dân tộc, 2020.

độ chuyên môn ở các dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ có nhiều tiến triển so với trước Đổi mới (1986) (Bảng 2).

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài và phát huy vai trò của người có trình độ, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số đã có nhiều khởi sắc. Tuy nhiên, tỷ trọng không có trình độ chuyên môn, kỹ thuật trong cơ cấu lao động chiếm tỷ lệ cao (Chăm: chiếm 85,2%; Raglai: 96,0%; Chơ Ro: 73,2%); tình trạng thất nghiệp trong cộng đồng các dân tộc thiểu số còn tồn tại (dân tộc Chăm là 3,79%, Raglai là 3,79% và Chơ Ro là 1,55%) (Ủy ban Dân tộc, 2020). Bên cạnh đó, có thực trạng “nhiều người dân tộc thiểu số đi học về xin việc không được hoặc có việc làm mà thu nhập không đủ nuôi bản thân nên họ lại đi vào TPHCM và địa phương khác tìm việc. Anh em người dân tộc am hiểu địa phương, nhiều việc tại quê hương cần người dân tộc, song do nhiều lý do mà những anh em này không thể phát huy được” (L.T.B, cán bộ người Chăm huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, 2021).

Số trạm y tế và trạm y tế đạt chuẩn quốc gia ở các địa phương người dân tộc thiểu số cư trú đạt tỷ lệ cao. Ở tỉnh Khánh Hòa, tỷ lệ xã có trạm y tế đạt đến 100%, tỷ lệ xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về y tế có 73,1%. Đối với tỉnh Ninh Thuận tỷ lệ này lần lượt là 94,6% và 71,4%. Đối với tỉnh Bình Thuận là 98,8% và 97,5% (Ủy ban Dân tộc, 2020). Tuy nhiên, do địa bàn cư trú, điều kiện sống, mức sống... nên việc sử dụng bảo hiểm y tế đối với các dân tộc thiểu số trên cả vùng chưa thật hiệu quả.

Nhiều hộ nghèo (ở vùng sâu, vùng xa) sinh sống trong điều kiện vệ sinh môi trường không được đảm bảo, nhất là trong điều kiện khí hậu biến đổi thất thường có thể làm tăng nguy cơ mắc các bệnh mãn tính, truyền nhiễm. “Chính thói quen xả chất thải bừa bãi của các cư dân ở đây nên trẻ con mới nhiễm nhiều bệnh. Khu vực Cam Lâm này có chất thải nhiều, trẻ nhỏ phải nhập viện vì viêm phổi, viêm hô hấp nhiều lắm. Có đợt hàng chục trẻ trong phường này ho dữ dội. Đi khám thì được chẩn đoán bệnh do hít quá nhiều mùi xú uế. Có thời điểm nắng nóng kéo dài, trẻ nhỏ xuống tắm ngay cạnh khu vực xả thải nên ngứa ngáy khắp người” (Cán bộ huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa, 2021). Về văn hóa, văn hóa truyền thống của các dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro vùng cực Nam Trung Bộ được quan tâm khôi phục, bảo tồn và phát huy giá trị. Các di sản, di tích văn hóa ở các dân tộc được chú ý trùng tu, tôn tạo. Tuy nhiên, công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của các dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro ở đây vẫn còn bất cập, một số thiết chế văn hóa dân tộc thiểu số tại chỗ đang dần xuống cấp, mai một theo thời gian. Tỷ lệ người dân tộc Chăm biết về văn hóa truyền thống là 36,81%, trong đó 0,68% biết sử dụng nhạc cụ, 8,34% biết hát bài hát truyền thống, 27,79% biết điệu múa truyền thống. Đối với người dân tộc Raglai là 7,6% biết về văn hóa truyền thống, trong đó các tỷ lệ cụ thể tương ứng là 1,47%, 1,37% và 4,76%. Đối với người dân tộc Chơ Ro, có 4,75% biết về văn hóa truyền thống, trong đó các tỷ lệ cụ thể tương ứng là 1,71%, 1,11% và 1,93%<sup>(1)</sup>.

Đặc tính văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số thể hiện qua cách thức nhà ở truyền thống, ăn uống theo tập tục, thích mặc thổ cẩm, sống theo tổ chức cộng đồng làng, duy trì nghi lễ vòng đời, lưu truyền cội nguồn, yêu lao động, đề cao giá trị tổ tiên. “Cồng chiêng, khèn bầu, đàn Chapi, trống baranưng và những điệu múa rộn ràng của các dân tộc Raglai, Chơ Ro và Chăm là những di sản văn hóa vô giá. Bảo tồn và phát triển các di sản văn hóa ấy là trách nhiệm của chúng ta (...) Nét văn hóa này đang dần bị mất đi bởi không có người kế tục, tiếng đàn và điệu múa ngày càng thưa đi. Trong làng chỉ còn lại 14 cái chiêng, 6 cái la và 1 cái khèn bầu. Người trẻ tuổi giờ đây không có cơ hội tiếp xúc nhiều với truyền thống của dân tộc mình. Mong muốn các ngành, các cấp tạo điều kiện cho các lễ hội thường xuyên được duy trì và phát triển để người trẻ đánh được chiêng, thổi được khèn bầu và múa được điệu múa của dân tộc mình” (V.V.T, già làng Chơ Ro ở xã Trà Tân huyện Đức Linh).

*Về an ninh chính trị.* Các dân tộc luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, đề cao cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Đoàn kết nội bộ và đoàn kết với cộng đồng các dân tộc anh em trong vùng được duy trì. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế hiện nay, các thế lực thù địch, luôn lợi dụng vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc để gây mâu thuẫn, xung đột, nhất là mâu thuẫn, xung đột giữa các tộc người thiểu số với tộc người đa số và chính quyền địa phương (Phú Văn Hãn, 2022: 32). Bên cạnh đó, việc thực thi các chính sách,

chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở trong vùng còn bất cập dẫn đến bức xúc trong một số người dân. Cùng với đó, các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trong cộng đồng dân tộc cũng nổi lên nhiều vấn đề phức tạp, tiềm ẩn yếu tố mất ổn định tại địa phương.

*Về môi trường,* nơi có đông đồng bào các dân tộc Chăm, Raglai, Chơ Ro sinh sống đang ở mức đáng quan tâm. Tốc độ đô thị hóa nhanh đã dẫn tới sự mất cân bằng sinh thái; chăn nuôi gia súc thả rông, phân gia súc vương vãi, gập mưa trôi làm ô nhiễm nguồn nước; tập quán nuôi nhốt gia súc gần nhà, dưới gầm nhà sàn làm môi trường sống ô nhiễm nặng; thói quen rửa bình bơm, đổ thuốc thừa sau khi phun thuốc trừ sâu hoặc diệt cỏ dại ở bất cứ nơi nào làm môi trường bị nhiễm hóa chất độc hại.

Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số sử dụng hố xí tự hoại và bán tự hoại ở người Raglai là 32,8%, quá thấp so với người Chăm (80,3%) và Chơ Ro (91,7%). Hiện nay vẫn còn một số lượng người dân tộc thiểu số nuôi nhốt gia súc dưới gầm hoặc sát nhà 6%; Raglai: 22,4%; và Chơ Ro: 14,4% (Ủy ban Dân tộc, 2020).

Vùng cực Nam Trung Bộ cũng đang trong tình trạng môi trường bị ô nhiễm do chất thải từ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, canh tác nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở sông rạch, nước lợ ở cửa sông, nước mặn ở ven biển... Báo cáo của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa về hiện trạng môi trường giai đoạn 2016-2020 cho thấy hoạt động sản xuất, kinh doanh, du lịch, y tế... làm tăng lượng chất thải rắn sinh hoạt (năm 2019, trung bình lượng

rác thải sinh hoạt đạt gần 1.076 tấn/ngày, tăng hơn 263 tấn/ngày so với năm 2015) và lượng nước thải sinh hoạt (tăng gần 5,3 mét khối/ngày đêm). Lưu vực sông Cái (Nha Trang) nơi có đến nửa triệu dân sinh sống, phần lớn rác thải sinh hoạt của người dân vứt trực tiếp xuống nước. Nước thải sinh hoạt tại khu dân cư Cửa Bé có lượng BOD là 156 mg/l, COD 253 mg/l, hydro cacbon 52,15mg/l... Trong tháng 3/2022, ghi nhận tình trạng dầu thô vón cục trôi dạt vào vùng biển Nha Trang. Tại làng chài xã Vạn Hưng, Vạn Ninh (Khánh Hòa), các chất thải xuất hiện dọc theo đường bờ biển và trôi xuống, nước thải xả xuống biển làm ô nhiễm nguồn nước và môi trường sống của cư dân.

Tại Ninh Thuận, môi trường biển ảnh hưởng nặng bởi các chất thải, chủ yếu do người dân xả trực tiếp ra môi trường; các thùng xốp, vật dụng của ngư dân từ hoạt động sản xuất và chế biến thủy sản xả ra biển theo sóng đánh vào lại bờ rồi dồn thành những đống rác lớn. Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản phát triển mạnh, tuy nhiên việc khai thác quá mức và không theo quy trình khoa học có thể làm tổn hại nghiêm trọng đến môi trường trong vùng.

Nước biển dâng cũng là một trong những tác nhân làm tình hình xâm nhập mặn vùng ven biển càng trở nên nghiêm trọng. Ninh Thuận và Bình Thuận có lượng mưa trung bình rất thấp (chỉ từ 1.000mm đến 1.400mm), nhưng lại có sự biến đổi mạnh mẽ theo không gian và thời gian. Nếu lượng mưa trung bình hàng năm ven biển khoảng 600mm, thì vùng núi cao lớn hơn 2.000mm. Vào

mùa lũ, thường thời gian có lượng mưa lớn không nhiều, cho nên thời gian thiếu mưa, cạn kiệt kéo dài. Cùng với đó, hệ thống sông, suối trên địa bàn này ngắn và rất dốc, cho nên mùa lũ nước sông lên nhanh và cũng xuống nhanh; mùa cạn mực nước xuống thấp, nhiều sông, suối bị tắt dòng, khiến cho một số sông vùng hạ lưu bị xâm nhập mặn. Tình hình xâm nhập mặn diễn ra mạnh mẽ hơn nhiều tại khu vực hạ lưu sông Cái Phan Rang, sông Cái Phan Thiết, Sông Lũy. Đặc biệt tại Cầu Đạo Long 2 (Ninh Thuận), độ mặn năm 2020 có xu hướng tăng đột biến khoảng từ 10 đến 20 lần so với cùng kỳ các năm trước, có thời điểm độ mặn lớn nhất tại đây lên đến 22‰ (Tác giả khảo sát tháng 3/2022).

Các yếu tố trên ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện và khó lường lên mọi mặt đời sống cư dân các dân tộc Chăm, Raglai, Chơ Ro. Dưới tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tình trạng ô nhiễm môi trường gây ra, sự bất ổn về sinh kế, thiếu việc làm kéo theo đó là di cư, di dời chỗ ở và sự suy giảm về sức khỏe là những vấn đề nổi lên có tính cấp bách và lâu dài cần có các chiến lược ứng phó và thích nghi để bảo đảm an toàn sinh kế, bảo vệ sức khỏe và tài sản của người dân tộc tại chỗ trong vùng.

### **3.2. Giải pháp phát triển bền vững các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng cực Nam Trung Bộ**

Phát triển bền vững các dân tộc thiểu số ở vùng cực Nam Trung Bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của tất cả các cơ quan, ban, ngành từ Trung ương tới địa phương, có cơ chế phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; là hoạt động

thường xuyên chú trọng việc khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình thực hiện các chính sách, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật liên quan đến các dân tộc thiểu số, cụ thể: (i) Tiếp tục động viên đồng bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên, hội nhập với sự phát triển chung của đất nước, tăng cường hơn nữa sự tham gia của các dân tộc vào quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách; (ii) Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; vận động đồng bào các dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách dân tộc nói chung và các chính sách đặc thù để phát huy hiệu quả hơn nữa việc xây dựng chính sách, điều chỉnh chính sách phù hợp; (iii) Cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt, tuyên truyền để cán bộ và nhân dân hiểu rõ vai trò, vị trí, tiềm năng, cũng như công tác phát triển bền vững của vùng, nơi có đồng bào Chăm, Raglai và Chơ Ro sinh sống; (iv) Tập trung kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy cơ quan làm công tác dân tộc. Củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng để làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc quản lý, tổ chức thực hiện chính sách dân tộc. Chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ là người dân tộc tại chỗ; (v) Xác định chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững; do đó, cần quan tâm đến chất lượng giáo dục - đào tạo, chất lượng chăm sóc sức khỏe. Huy động nhiều nguồn lực cho đầu tư, phát triển;

trước hết tập trung cho đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí, không có hiệu quả; (vi) Tích cực chăm lo xây dựng và giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp và bản sắc dân tộc tại chỗ. Từng bước xây dựng, tiến tới hoàn thiện thiết chế văn hóa cơ sở để đồng bào các dân tộc tại chỗ hưởng thụ các thành tựu của sự phát triển do công cuộc đổi mới đem lại; (vii) Thường xuyên tăng cường công tác bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những điểm “nóng” về an ninh trật tự ở vùng đồng bào các dân tộc; (viii) Định kỳ đánh giá những thành tựu đã đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân thực hiện chủ trương, chính sách dân tộc.

#### **Về kinh tế - xã hội**

Nhằm giải quyết những khó khăn, bất cập; tạo động lực cho đồng bào các dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ nhanh chóng hòa nhập là vấn đề cơ bản cần tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo sinh kế ổn định cho đồng bào vùng dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro.

- Tạo điều kiện thuận lợi phát triển các mô hình sản xuất gắn với lợi thế, đặc thù của địa phương, hỗ trợ kết nối thị trường... để đồng bào dân tộc thiểu số phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, vươn lên thoát nghèo và làm giàu chính đáng trên vùng đất quê hương.

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, nước sản xuất (cả bờ biển và vùng lân cận), nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật; đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Phát huy phát triển kinh tế du lịch địa phương gắn với bản sắc các dân tộc trong vùng; triển khai các giải pháp giải quyết việc làm, giảm hộ nghèo tăng hộ khá. Tập trung giải quyết việc làm thông qua các chương trình, dự án đối với hộ nghèo, cận nghèo; dự án phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững...

- Tại các vùng nông thôn, tổ chức tập huấn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật về chăn nuôi, trồng trọt. Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống vùng đồng bào dân tộc. Tập trung phát triển hệ thống thủy lợi ở các vùng khô hạn để phục vụ tưới tiêu, chăn nuôi, đầu tư hệ thống giao thông, chợ, hạ tầng, làng nghề truyền thống. Tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân liên kết theo chuỗi giá trị sản xuất, từ đó làm thay đổi tập quán canh tác của đồng bào theo hướng hiện đại để tăng giá trị sản phẩm.

### **Về văn hóa**

Hướng tới phát triển bền vững, trước hết vẫn cần tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời nâng cao nhận thức văn hóa trong đồng bào dân tộc theo kịp tình hình mới, yêu cầu mới.

- Duy trì và nâng cao chất lượng việc tổ chức “Ngày hội văn hóa dân tộc” kết hợp ngày hội thể thao và du lịch như đã từng thực hiện vào thời gian gần đây đang có ý nghĩa tích cực đối với đồng bào dân tộc Chăm, Raglai và Chơ Ro. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức

cộng đồng, lan truyền những vẻ đẹp văn hóa của đồng bào các dân tộc.

- Vận động đồng bào các dân tộc tại chỗ nâng cao ý thức, trách nhiệm cùng với các cấp, các ngành giữ gìn, tôn tạo và bảo quản các công trình kiến trúc đền tháp, nhà sàn, nhà cộng đồng, nhà mồ cổ, pho tượng, bức phù điêu... lưu tại cộng đồng.

- Tiếp tục nghiên cứu sưu tầm và phổ biến rộng rãi hơn nữa để đồng bào dân tộc hiểu và có ý thức giữ gìn các loại hình nghệ thuật như văn học, thơ ca, múa, nhạc, chữ viết của đồng bào các dân tộc. Mở rộng và nâng cao hiệu quả việc dạy và học tiếng dân tộc tại chỗ.

- Quan tâm xây dựng các nhà cộng đồng tại khu cư trú của các dân tộc để có nơi cho các chức sắc và các già làng, văn nghệ sĩ người dân tộc giao lưu làm gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau, bảo tồn, phát huy phát triển văn hóa dân tộc.

### **Về bảo vệ môi trường**

- Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, trước hết là nâng cao sự hiểu biết về chính sách và luật pháp có liên quan các dân tộc tại chỗ.

- Tạo điều kiện thuận lợi để người dân các dân tộc ở vùng cực Nam Trung Bộ có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin về môi trường, các thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường, các quy hoạch và dự án đầu tư có liên quan,... để nâng cao hơn nữa năng lực của người dân tộc tại chỗ trong việc tham gia ý kiến một cách thiết thực với các cơ quan có thẩm quyền.

- Đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp công tác bảo vệ môi trường; tăng đầu tư và

sử dụng đúng mục đích, hiệu quả nguồn chi thường xuyên từ ngân sách cho sự nghiệp môi trường đối với các dân tộc ở vùng cực Nam Trung Bộ.

### **Về công tác quốc phòng - an ninh**

- Tăng cường quản lý và xử lý các vấn đề xã hội mới nảy sinh trên nhiều phương diện khác nhau của đời sống ở các dân tộc vùng cực Nam Trung Bộ như lao động, việc làm nông thôn và dịch chuyển đô thị, di cư nội vùng và ngoại vùng, văn hóa truyền thống và biến đổi văn hóa, thay đổi và phát triển tín ngưỡng, tôn giáo...

- Tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh trong đồng bào các dân tộc tại chỗ. Phát huy quyền làm chủ của đồng bào các dân tộc tại chỗ gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, không ngừng nâng cao đời sống, thực hiện “lấy dân làm gốc”, phát huy tinh thần yêu nước, trách nhiệm, sự cống hiến, sức sáng tạo của đồng bào các dân tộc Chăm, Raglai, Chơ Ro ở vùng cực Nam Trung Bộ đối với sự nghiệp quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.

### **4. TẠM KẾT**

Các dân tộc Chăm, Raglai, Chơ Ro và các dân tộc tại chỗ khác ở vùng cực Nam Trung Bộ là một bộ phận trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, có

truyền thống lịch sử lâu đời, “chung lưng đấu cật” trong quá trình dựng nước và giữ nước, có nền văn hóa đa dạng, độc đáo và phong phú; có mối quan hệ đồng tộc, đồng tôn giáo và với các dân tộc, tộc người khác chặt chẽ ở trong vùng, trong nước và trong khu vực. Các dân tộc ở các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ từng bước có những hòa nhập vào cộng đồng các dân tộc tại địa phương và cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong quá trình phát triển quốc gia chung.

Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua đã mang lại nhiều thành tựu và có tác động tích cực. Các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước được vận dụng và thực hiện đã làm thay đổi cơ bản cơ sở, kết cấu hạ tầng, đời sống vật chất, tinh thần và đời sống chính trị-xã hội, chất lượng cuộc sống ngày càng được nâng cao đối với các dân tộc tại chỗ Chăm, Raglai, Chơ Ro thuộc các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ. Tuy nhiên những hạn chế mang tính nội tại như trở ngại về ngôn ngữ, trình độ thấp,... dẫn đến hạn chế về cơ hội phát triển đặt ra cho việc thực hiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội và chính sách dân tộc gắn kết hơn giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội bảo đảm bình đẳng trong phát triển, phát triển bền vững. □

### **CHÚ THÍCH**

(\*) Bài viết trong khuôn khổ đề tài “*Phát triển bền vững các dân tộc thiểu số vùng duyên hải cực Nam Trung Bộ*” thuộc chương trình trọng điểm cấp Bộ: Khoa học xã hội và nhân văn về biển của Việt Nam phục vụ mục tiêu bảo vệ và phát triển đất nước, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(1) Số liệu khảo sát của nhóm thực hiện đề tài “*Phát triển bền vững các dân tộc thiểu số vùng cực Nam Trung Bộ*” khảo sát, năm 2021.

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phú Văn Hãn. 2021a. “Một số vấn đề cơ bản trong phát triển bền vững ở dân tộc Chăm hiện nay”. Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 *Những vấn đề cơ bản và cấp bách về dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030*, mã số CTD/16-20.
2. Phú Văn Hãn. 2021b. *Người Chăm trong phát triển và hội nhập*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Phú Văn Hãn. 2022. “Quan hệ dân tộc, tộc người ở các tỉnh ven biển vùng cực Nam Trung Bộ”. *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, số 11.
3. Ủy ban Dân tộc. 2020. *Kết quả điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019*. <http://thongkedantoc.vn/file-ap12.html>, truy cập ngày 15/7/2022.
4. Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Khánh Hòa. *Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2016 – 2020*. <https://khanhhoa.gov.vn/vi/thong-bao-moi-nhat/bao-cao-hien-trang-moi-truong-tinh-khanh-hoa-giai-doan-2016-2020>. truy cập ngày 28/03/2022.

---

(Tiếp theo trang 9)

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Christensen, Tom - Fimreite, Anne Lise - Lægreid, Per. 2013. *Joined-Up Government for Welfare Administration Reform in Norway*. *Public Organization Review*, Springer Nature, ISSN: 1573-7098.
2. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập – tập 5*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
3. Hương Quỳnh. 2019. “Hà Nội: Nhiều lãnh đạo huyện Ba Vì vi phạm nghiêm trọng phải kỷ luật”, <https://vietnamnet.vn/ha-noi-nhieu-lanh-dao-huyen-ba-vi-vi-pham-nghiem-trong-phai-ky-luat-512415.html>, truy cập ngày 20/6/2022.
4. MacCarthaigh, Muiris and Boyle Richard. 2011. “Joined-Up Government in Ireland: From Un-Strategic Choices to Patriotic Imperatives”. *International Journal of Public Administration* 34(4), pp. 213-220. <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/01900692.2010.533938>, truy cập ngày 20/6/2022.
5. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2020. *Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019)*. Nxb. Chính trị Quốc gia-Sự thật.
6. Xuân Ngọc. 2022. “Khởi tố nhiều cán bộ huyện o-ninh-thuan-do-sai-pham-dat-dai”, <https://vietnamnet.vn/khoi-to-nhieu-can-bo-huyen-o-ninh-thuan-do-sai-pham-dat-dai-2035285.html>, truy cập ngày 20/6/2022.